

Số: 2129/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 30 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn ngân sách tỉnh năm 2020
chuyển sang năm 2021 và kế hoạch năm 2021**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Theo thống nhất của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giao ban ngày 26/7/2021 (khoản 6 Thông báo số 298/TB-UBND ngày 27/7/2021) và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 147/TTr-SKHĐT ngày 21/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn ngân sách tỉnh năm 2020 chuyển sang năm 2021 và kế hoạch năm 2021, số tiền: 79.952.213.350 đồng (*Bảy mươi chín tỷ, chín trăm năm mươi hai triệu, hai trăm mười ba ngàn, ba trăm năm mươi đồng*), gồm kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021 là 64.352.213.350 đồng và kế hoạch vốn năm 2021 là 15.600.000.000 đồng, để thực hiện giải ngân cho các dự án đã quyết toán hoàn thành, đối ứng dự án ODA, đã có khối lượng thực hiện, cụ thể như sau:

(Chi tiết theo các Phụ lục I, II đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị có tên tại các Phụ lục chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kế hoạch vốn được giao đúng mục đích, hiệu quả; giải ngân kế hoạch vốn theo đúng thời hạn và thực hiện thanh, quyết toán theo quy định. Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện dự án cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh lập thủ tục cấp kinh phí, kiểm soát chi theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ và thực hiện báo cáo giám sát đầu tư theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại các Phụ lục và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở GTVT;
- Các PVP;
- Lưu: VT, KTN, KTTH, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyen Hong Quang
Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục I

DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH TỈNH KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2020 CHUYỂN SANG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021 ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẢM

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Dan h mục lĩn h vực/ dự ỏn	Chũ đầu tư	Mã số dự ỏn	Mã số chũơng	Mã Loại - Khoản	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến nay		Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021/ năm 2021	Giải ngân đến nay	Kế hoạch vốn còn lại đến nay	Kế hoạch vốn điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021, năm 2021 sau khi điều chỉnh	Ghi chú	
						Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số							Trong đó: NS tỉnh
							Tổng số	Trong đó: NS tỉnh								
	TỔNG SỐ						1.487.494	847.570	441.415	383.289	161.490,772199	11.744,365216	154.510,024182	79.952,213350	81.538,558849	
A	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2020 KÉO DÀI SANG NĂM 2021						1.190.052	580.170	383.415	325.289	103.490,772199	10.582,262216	97.672,127182	64.352,213350	39.138,558849	
I	KẾ HOẠCH VỐN CHƯA PHÂN BỐ TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1667/QĐ-UBND NGÀY 18/6/2021										4.763,617199	4.763,617199	4.763,617199	4.763,617199	-	
II	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ						5.117	5.000	5.000	5.000	173,847000	33,283000	140,564000	140,564000	33,283000	
1	Trường PTDTNT huyện Tây Giang; hạng mục: Nhà đa năng, phòng chức năng, nâng cấp sửa chữa các phòng học, khu nội trú, nhà vệ sinh	UBND huyện Tây Giang	7773839		74	827-31/5/19	5.117	5.000	5.000	5.000	173,847000	33,283000	140,564000	140,564000	33,283000	Quyết toán thừa kế hoạch vốn
III	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ						19.971	19.971	18.000	18.000	6.000,000000	2.209,000000	3.791,000000	2.050,000000	3.950,000000	
1	Bảo tồn, kiểm định Sâm Ngọc Linh	Sở NN&PTNT	7786640	412	101	3292-16/10/19	19.971	19.971	18.000	18.000	6.000,000000	2.209,000000	3.791,000000	2.050,000000	3.950,000000	Chậm tiến độ do yếu tố khách quan
IV	VĂN HÓA THÔNG TIN						165.535	115.739	98.274	83.274	3.880,072000	187,200849	3.692,871151	3.605,768151	274,303849	
1	Bảo tàng tỉnh Quảng Nam	Sở VH-TT&DL	7309681	425	161	3533-29/10/10	65.215	65.215	61.060	61.060	888,416000	187,200849	701,215151	614,112151	274,303849	Đang hoàn chỉnh hồ sơ để quyết toán dự ỏn hoàn thành, không đảm bảo giải ngân hết KHV theo quy định
2	Trung bày Bảo tàng tỉnh Quảng Nam		7487309	425	161	3435-31/10/14	24.117	24.117	19.437	19.437	1.000,000000	-	1.000,000000	1.000,000000	-	
3	Tu bổ, nâng cấp Khu lưu niệm Chủ tịch HĐNN Võ Chí Công		7430013	425	161	3365-30/10/13	76.203	26.407	17.777	2.777	1.991,656000	-	1.991,656000	1.991,656000	-	
V	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ						938.043	422.673	206.630	205.300	86.109,472000	2.501,870168	83.607,601832	52.115,791000	33.993,681000	
V.1	GAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ						770.978	355.000	141.830	140.500	80.993,681000	2.501,870168	78.491,810832	48.000,000000	32.993,681000	
1	Đường bao Nguyễn Hoàng	UBND thành phố Tam Kỳ	7858100		292	2039-29/7/20	550.978	168.000	66.000	66.000	51.000,000000	745,500000	50.254,500000	31.000,000000	20.000,000000	Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng chậm; mới giải ngân 0,746 tỷ đồng và tạm ứng 14 tỷ đồng nhưng chưa có khối lượng
2	Cầu Tam Tiến và đường dẫn	UBND huyện Núi Thành	7713650		292	1590-30/5/19	220.000	187.000	75.830	74.500	29.993,681000	1.756,370168	28.237,310832	17.000,000000	12.993,681000	Vướng bồi thường giải phóng mặt bằng, mới thi công đường công vụ phía Tam Tiến; tạm ứng khoảng 30 tỷ đồng, chưa có khối lượng hoàn ứng
V.2	CÔNG NGHIỆP KHÁC						137.392	38.000	38.000	38.000	4.115,791000	-	4.115,791000	3.115,791000	1.000,000000	

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Mã số chương	Mã Loại - Khoản	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí đến nay		Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021/ năm 2021	Giải ngân đến nay	Kế hoạch vốn còn lại đến nay	Kế hoạch vốn điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021, năm 2021 sau khi điều chỉnh	Ghi chú		
						Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh							Tổng số	Trong đó: NS tỉnh
							Tổng số	Trong đó: NS tỉnh										
1	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật CCN Thanh Hà; hạng mục: San nền, giao thông, thoát nước	UBND thành phố Hội An	7085067		309	3804-28/10/16	112.252	18.000	18.000	18.000	623,791000	-	623,791000	623,791000	-	Quyết toán thừa kế hoạch vốn		
2	Cụm công nghiệp Đại Đồng 2	UBND huyện Đại Lộc	7456266		309	1324-29/4/16	25.140	20.000	20.000	20.000	3.492,000000	-	3.492,000000	2.492,000000	1.000,000000	Quyết toán khoảng 1 tỷ đồng, kế hoạch vốn còn lại thừa		
V.3	DU LỊCH						29.673	29.673	26.800	26.800	1.000,000000	-	1.000,000000	1.000,000000	-			
1	Tuyến đường ĐH8 huyện Duy Xuyên vào Khu di tích Hòn Tàu	Sở VH-TT&DL	7487303	425	292	3447-31/10/14	29.673	29.673	26.800	26.800	1.000,000000	-	1.000,000000	1.000,000000	-	Đang hoàn chỉnh hồ sơ để quyết toán dự án hoàn thành, không đảm bảo giải ngân hết KHV theo quy định		
VI	HOẠT ĐỘNG CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ						2.388	2.388	2.200	2.200	201,400000	20,300000	181,100000	181,100000	20,300000			
VI.1	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC						2.388	2.388	2.200	2.200	201,400000	20,300000	181,100000	181,100000	20,300000			
1	Cải tạo, sửa chữa Thư viện tỉnh Quảng Nam	Sở VH-TT&DL	7487303	425	341	123-10/7/19	2.388	2.388	2.200	2.200	201,400000	20,300000	181,100000	181,100000	20,300000	Đang trình phê duyệt điều chỉnh, bổ sung theo Thông báo số 210/TB-UBND ngày 8/6/2021 của UBND tỉnh		
VII	BẢO ĐẢM XÃ HỘI						14.395	9.796	12.053	10.257	1.595,918000	866,991000	728,927000	728,927000	866,991000			
1	Nhà nuôi dưỡng, điều trị người có công (nhà D) trước trung tâm Nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công Quảng Nam	Trung tâm Nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công QNam	7794822	424	371	261-19/11/19	6.395	1796	4.896	3.100	1.100,000000	866,991000	233,009000	233,009000	866,991000	Quyết toán thừa kế hoạch vốn		
2	Nghĩa trang liệt sỹ xã Bình Lãnh	UBND huyện Thăng Bình	7759341		371	1470-24/5/19	3.000	3.000	2.700	2.700	332,234000	-	332,234000	332,234000	-	Quyết toán thừa kế hoạch vốn		
3	Nghĩa trang liệt sỹ xã Bình Định Bắc		7759340		371	1541-29/5/19	5.000	5.000	4.457	4.457	163,684000	-	163,684000	163,684000	-	Quyết toán thừa kế hoạch vốn		
VIII	ĐỐI ƯNG DỰ ÁN ODA						44.603	4.603	41.258	1.258	766,446000	-	766,446000	766,446000	-			
1	Thí điểm hệ thống đèn Led chiếu sáng công cộng tiếp kiệm điện sử dụng năng lượng mặt trời cho đường 129	BQL dự án ĐTXD tỉnh	7719740	560	302	2436-01/8/19	44.603	4.603	41.258	1.258	766,446000	-	766,446000	766,446000	-	Quyết toán thừa kế hoạch vốn		
B	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021						297.442	267.400	58.000	58.000	58.000,000000	1.162,103000	56.837,897000	15.600,000000	42.400,000000	Nguồn thu sử dụng đất		
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ						297.442	267.400	58.000	58.000	58.000,000000	1.162,103000	56.837,897000	15.600,000000	42.400,000000			
I.1	GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ						297.442	267.400	58.000	58.000	58.000,000000	1.162,103000	56.837,897000	15.600,000000	42.400,000000			
1	Mở rộng mặt đường ĐH3.QS (Quế Phú - Quế Cường)	UBND huyện Quế Sơn	7880057		292	09-05/01/21	93.942	84.200	25.000	25.000	25.000,000000	522,103000	24.477,897000	7.500,000000	17.500,000000	UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư từ đầu tháng 01/2021 nhưng đến nay chưa hoàn thành bước thiết kế bản vẽ thi công; dự án triển khai quá chậm		
2	Đường ô tô đến trung tâm hành chính xã Ninh Phước (sáp nhập xã Quế Phước và xã Quế Ninh)	UBND huyện Nông Sơn	7887071		292	469-08/02/21	93.500	84.200	15.000	15.000	15.000,000000	640,000000	14.360,000000	4.500,000000	10.500,000000	UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư từ đầu tháng 02/2021 nhưng đến nay chưa hoàn thành bước thiết kế bản vẽ thi công; dự án triển khai quá chậm		
3	Đường ĐH12.PN, đoạn từ ĐT615 đến Quốc lộ 40B	UBND huyện Phú Ninh	7887183		292	471-08/02/21	110.000	99.000	18.000	18.000	18.000,000000		18.000,000000	3.600,000000	14.400,000000			

Phụ lục II

DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ PHÂN BỐ TỪ NGUỒN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH NĂM 2020 KÉO DÀI SANG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Mã số chương	Mã Loại - Khoản	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết nay		Kế hoạch vốn phân bổ			Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số		Trong đó	
							Tổng số	Trong đó: NS tỉnh							Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài sang năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2021 (nguồn thu sử dụng đất)
	TỔNG SỐ						4.645.513	1.900.806	2.700.472	654.878	79.952,213350	64.352,213350	15.600,000000			
A	PHÂN BỐ DỰ ÁN QUYẾT TOÁN						1.140.710	567.323	895.318	190.177	12.731,592197	12.731,592197	-			
I	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ						2.837	2.837	2.500	2.500	154,926000	154,926000				
1	Trường THPT Nguyễn Dục, huyện Phú Ninh	BQL dự án ĐTXD tỉnh	7731686	560	074	49-29/3/19	2.837	2.837	2.500	2.500	154,926000	154,926000		Quyết định quyết toán số 420/QĐ-STC ngày 28/12/2020		
II	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH						5.871	5.871	5.000	5.000	810,099000	810,099000				
1	Trạm y tế xã Duy Sơn	UBND huyện Duy Xuyên	7762802		132	2501-2/5/2019	1.992	1.992	1.500	1.500	454,724000	454,724000		Quyết định quyết toán số 882/QĐ-UBND ngày 25/01/2020		
2	Trạm y tế xã Trà Vân	UBND huyện Nam Trà My	7752252		132	300-8/3/2019	3.879	3.879	3.500	3.500	355,375000	355,375000		Quyết định quyết toán số 3304/QĐ-UBND ngày 31/12/2020		
III	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG						65.960	65.960	50.268	50.268	1.041,002576	1.041,002576				
1	Nghĩa trang nhân dân Tam Anh Nam	Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh	7459495	599		4069-16/11/17	65.960	65.960	50.268	50.268	1.041,002576	1.041,002576		Quyết định quyết toán số 2994/QĐ-UBND ngày 30/10/2020		
IV	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ						1.033.817	460.430	808.750	103.610	8.540	8.540				
IV.1	THỦY LỢI VÀ DỊCH VỤ THỦY LỢI						168.791	52.250	120.141	6.600	2.996,724000	2.996,724000				
1	Kè bảo vệ đô thị cổ Hội An, đoạn từ Chùa Cầu đến cầu Cẩm Nam	BQL dự án ĐTXD tỉnh	7526925	560	283	2381-29/6/15	135.649	52.250	86.999	6.600	259,117000	259,117000		Báo cáo thẩm tra quyết toán số 63/BC-STC ngày 05/5/2017, 3155/BC-STC ngày 19/11/2020		
2	Nạo vét thoát lũ khẩn cấp sông Trường Giang	Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh	7190098	599	283	3380-19/10/10	33.142		33.142		2.737,607000	2.737,607000		Quyết định quyết toán số 3611/QĐ-UBND ngày 15/12/2020		

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Mã số chương	Mã Loại - Khoản	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết nay		Kế hoạch vốn phân bổ			Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó	Trong đó		
							Tổng số	Trong đó: NS tỉnh					Tổng số		Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài sang năm 2021
IV.2	ĐỊNH CANH, ĐỊNH CƯ VÀ KINH TẾ MỚI						485.272	384.303	348.621	96.910	4.477,06	4.477,06			
1	Kết cấu hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Tiên Xuân, xã Tam Anh, huyện Núi Thành	Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh	7003562	599	285	132-02/8/12	35.838	35.838	27.541	27.541	122,098818	122,098818	Quyết định quyết toán số 1440/QĐ-UBND ngày 28/5/2021		
2	Khu tái định cư Tam Anh Nam (giai đoạn 1.1)		7319768	599	285	303-08/12/11	169.222	169.222	150.201	145	23,003000	23,003000	Quyết định quyết toán số 1485/QĐ-UBND ngày 02/6/2021		
3	Khu dân cư đô thị Tam Hiệp II (giai đoạn 1)		7225836	599	285	252-27/10/10	132.743	132.743	93.711	26.164	964,131779	964,131779	Quyết định quyết toán số 1500/QĐ-UBND ngày 03/6/2021		
4	Khu dân cư phía Tây đường An Hà - Quảng Phú		7002852	599	285	155-29/7/10	93.383		34.104		1.689,726451	1.689,726451	Quyết định quyết toán số 1394/QĐ-UBND ngày 24/5/2021		
5	Cấp nước, điện khu dân cư phía Tây đường An Hà - Quảng Phú		7188030	599	283	195-01/9/10	5.620		1.035	1.030	169,463000	169,463000	Quyết định quyết toán số 64/QĐ-STC ngày 31/3/2020		
6	Cấp nước khu dân cư chợ Trạm		7010826	599	283	150-18/7/07	1.965		734	734	8,459000	8,459000	Quyết định quyết toán số 221/QĐ-STC ngày 22/9/2017		
7	Kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu TĐC trung tâm xã Bình Dương		7181153	599	283	110-22/5/17	46.500	46.500	41.295	41.295	1.500,175000	1.500,175000	Quyết định quyết toán số 243/QĐ-STC ngày 06/8/2013; Báo cáo thẩm tra số 13/BC-STC ngày 19/01/2015, 128/BC-STC ngày 27/5/2011, 621/BC-STC ngày 19/3/2021		
IV.3	GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ					379.753	23.876	339.988	100	1.066	1.066				
1	Đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn khu Trung tâm hành chính huyện Nông Sơn và vùng phụ cận	UBND huyện Nông Sơn	7089239		292	1815-22/5/15	260.768	2.487	258.281		664,648500	664,648500	Quyết định quyết toán số 51/QĐ-UBND ngày 07/01/2021		
2	Đường trục chính khu liên hợp công nghiệp, dịch vụ, đô thị Việt Hàn (giai đoạn 1)	Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh	7388172	599	292	378-23/12/15	102.996	21.390	81.606		374,417073	374,417073	Quyết định quyết toán số 1891/QĐ-UBND ngày 07/7/2021		
3	Nâng cấp đường ĐT616 (đoạn Kỳ Trung - Hạ Thanh)		7219404	599		253-27/10/10	15.989		100	100	26,865000	26,865000	Quyết định quyết toán số 216/QĐ-STC ngày 11/10/2019		
V	HOẠT ĐỘNG CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ						14.268	14.268	13.500	13.500	579,197000	579,197000	-		
V.1	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC						14.268	14.268	13.500	13.500	579,197000	579,197000			
1	Cải tạo, sửa chữa Hội trường số 01 Văn phòng UBND tỉnh	BQL dự án ĐTXD tỉnh	7811912	560	341	19-21/01/20	14.268	14.268	13.500	13.500	579,197000	579,197000	Quyết định quyết toán số 177/QĐ-STC ngày 01/7/2021		
VI	BẢO ĐẢM XÃ HỘI						17.957	17.957	15.300	15.300	1.606,656000	1.606,656000			
1	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Nam	BQL dự án ĐTXD tỉnh	7781128	560	371	2986-18/9/19	17.957	17.957	15.300	15.300	1.606,656000	1.606,656000	Quyết định quyết toán số 1997/QĐ-UBND ngày 19/7/2021		

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Mã số chương	Mã Loại - Khoản	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết nay		Kế hoạch vốn phân bổ			Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó		
							Tổng số	Trong đó: NS tỉnh				Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài sang năm 2021	
B	PHÂN BỐ DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP ĐỀ THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG VÀ ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN						3.504.803	1.333.483	1.805.154	464.701	67.220,621153	51.620,621153	15.600,000000	
I	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH						128.117	128.037	112.794	112.794	4.200,000000	4.200,000000	-	
1	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa khu vực Quảng Nam	BQL dự án ĐTXD tỉnh	7625889	560	132	3124-30/9/19	124.037	124.037	109.948	109.948	3.500,000000	3.500,000000		Thanh toán nợ khối lượng (Tờ trình số 114/TTr-BQL ngày 08/7/2021)
2	Trạm y tế thị trấn Tiên Kỳ	UBND huyện Tiên Phước	7833731		132	865-25/5/2020	4.080	4.000	2.846	2.846	700,000000	700,000000		Thanh toán nợ khối lượng (Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 06/5/2021)
II	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ						3.367.287	1.196.048	1.688.360	347.907	61.757,003954	46.157,003954	15.600,000000	
II.1	GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ						1.619.000	677.000	1.222.006	274.806	35.600,000000	20.000,000000	15.600,000000	
1	Đường trục chính từ khu công nghiệp Tam Thăng đi cảng Kỳ Hà và sân bay Chu Lai	BQL dự án ĐTXD các CTGT tỉnh	7638518	599	292	260-20/11/17	1.479.000	579.000	1.169.368	269.368	15.600,000000		15.600,000000	Báo cáo số 1177/BC-BQLGT ngày 06/7/2021
2	Cầu Hội Khách - Tân Đợi	UBND huyện Đại Lộc	7759384		292	1534-27/5/19	140.000	98.000	52.637	5.437	20.000,000000	20.000,000000		Tờ trình số 690/TTr-UBND ngày 18/6/2021
II.2	ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA						1.748.287	519.048	466.354	73.101	26.157,003954	26.157,003954	-	
1	Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hội An	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông	7582908	599	292	546-06/02/18	768.075	201.176	166.124	13.600	16.157,003954	16.157,003954		Báo cáo số 1177/BC-BQLGT ngày 06/7/2021
2	Cải thiện môi trường đô thị Chu Lai - Núi Thành		7545199	599	311	187-09/8/17	980.212	317.872	300.230	59.501	10.000,000000	10.000,000000		Tờ trình số 1137/TTr-BQLGT ngày 01/7/2021
III	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ						9.398	9.398	4.000	4.000	1.263,617199	1.263,617199		
III.1	TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI						9.398	9.398	4.000	4.000	1.263,617199	1.263,617199		
1	Trụ sở làm việc Báo Quảng Nam	BQL dự án ĐTXD tỉnh	7865604	560	361	124-03/11/20	9.398	9.398	4.000	4.000	1.263,617199	1.263,617199		Thanh toán nợ khối lượng (Tờ trình số 114/TTr-BQL ngày 08/7/2021)